

Bản án: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh.

2. Ông Nguyễn Quý Vinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cùng địa chỉ: TDP C, thị trấn C1, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T ngày 10/02/2006, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn C1), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8/2008, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, bản thân anh T không lo toan cuộc sống gia đình, thường xuyên chơi bời cờ bạc chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không

thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, tuy vợ chồng sống cùng nhà nhưng việc ai người ấy làm, không còn quan tâm đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 12/01/2007; cháu Trần Phương T2, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 29/12/2018, hiện nay cả ba con chung đang ở cùng vợ chồng. Sau khi ly hôn chị mong muốn được nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị đủ điều kiện nuôi con ăn học đầy đủ.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2022 bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 02/6/2005, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn C1), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ, do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, nên xảy ra đối xử lạnh nhạt với nhau, hiện nay vợ chồng vẫn chung sống cùng một nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn đoàn tụ vợ chồng, chung sống cùng nhau để nuôi dạy con cái, chị Luận xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 12/01/2007; cháu Trần Phương T2, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 29/12/2018, hiện nay cả ba con chung đang ở cùng vợ chồng anh. Trường hợp phải ly hôn nhau thì anh mong muốn được nuôi dưỡng cả ba con chung, anh không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh đủ điều kiện nuôi con ăn học.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2022 các cháu Trần Hoàng T1 và cháu Trần Phương T2 đều trình bày: Các cháu là con của bố Trần Văn T và mẹ Nguyễn Thị L, các cháu đều trình bày là bố không quan tâm đến mẹ con cháu, do vậy khi bố mẹ không chung sống cùng nhau nữa thì các cháu đều đề nghị được ở với mẹ, thì sẽ được chăm sóc đảm bảo hơn.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Văn T được ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2, anh T nuôi dưỡng cháu M, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn anh Trần Văn T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Trần Phương T2, sinh ngày 01/11/2008. Giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 29/12/2018, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T có địa chỉ thị trấn C, huyện T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân

huyện T thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Trần Văn T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T kết hôn ngày 10/02/2006 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là thị trấn C), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có ba con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8/2008, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra anh T thường xuyên chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021. Anh Trần Văn T cho rằng vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, nên anh vẫn còn tình cảm vợ chồng, chị L xin ly hôn anh không nhất trí.

Căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống chung một mái nhà nhưng đã ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T có ba con chung là cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 12/01/2007; cháu Trần Phương T2, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 29/12/2018, chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị L đề nghị nhận nuôi cháu T1 và cháu T2, đề nghị giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng.

Xét thấy các cháu Trần Hoàng T1, Trần Phương T2 đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Trần Hoàng M hiện đã trên 03 tuổi và dưới 07 tuổi. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng và gắn trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung, nhận thấy cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng Trần Hoàng T1 và cháu Trần Phương T2, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng M là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, hai bên không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Trần Phương T2, sinh ngày 01/11/2008. Giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 29/12/2018, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L và anh T có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị L và anh T.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án

phí; lệ phí Tòa án số: 0011707 ngày 9/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND thị trấn C;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên